



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 552.2022/QĐ - VPCNCL ngày 28 tháng 06 năm 2022
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm**

Laboratory: **Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn – Nhà máy Viglacera Mỹ Đức**

Organization: **Branch Viglacera Tien Son joint stock company – Viglacera My Duc factory**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Vật liệu xây dựng**

Field of testing: **Civil – Engineering**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Hồ Thị Diễm Phúc**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Nguyễn Xuân Trường	Các phép thử được công nhận/Accredited tests
2.	Hồ Thị Diễm Phúc	
3.	Trần Đình Ngọc	

Số hiệu/ Code: **VILAS 1195**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **28/06/2025**

Địa chỉ/ Address: **KCN Mỹ Xuân A – Phường Mỹ Xuân – thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**
My Xuan A industrial zone – My Xuan ward – Phu My district –
Ba Ria Vung Tau province

Địa điểm/Location: **KCN Mỹ Xuân A – Phường Mỹ Xuân – thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**
My Xuan A industrial zone – My Xuan ward – Phu My district –
Ba Ria Vung Tau province

Điện thoại/ Tel: **02543 928921**

Fax: **02543 928922**

Website: **viglacerationson.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1195****Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng***Field of testing: Civil - Engineering*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Gạch Granite tráng men <i>Glazed Granite tiles</i>	Xác định kích thước (dài, rộng, dày) và chất lượng bề mặt <i>Determination of dimension (length, width, thickness) and Surface quality</i>	-	TCVN 6415-2:2016 ISO 10545-2:2018
2.		Xác định độ hút nước bằng phương pháp đun sôi <i>Determination water absorption by boiling</i>	-	TCVN 6415-3:2016 ISO 10545-3:2018
3.		Xác định độ bền uốn <i>Determination Modulus of rupture</i>	$F_{\max} = 1\,000\text{ kgf}$	TCVN 6415-4:2016 ISO 10545-4: 2019
4.		Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs <i>Determination hardness according Mohs</i>	1 - 9	TCVN 6415-18:2016
5.		Xác định độ mài mòn đối với gạch phủ men <i>Determination abrasion resistance of glazed tile surfaces</i>	-	TCVN 6415-7:2016 ISO 10545-7: 1996
6.		Xác định độ bền với hóa chất <i>Determination of chemical resistance</i>	-	TCVN 6415-13:2016 ISO 10545-13:2016
7.		Xác định độ bền bám bẩn <i>Determination of stain resistance</i>	Loại 5/ type 5	TCVN 6415-14:2016 ISO 10545-14: 2015